TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **134**/2026/HS-PT
Ngày: 07/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**

ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Phan Thị Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 196/2025/TLPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Tiến D cùng các bị cáo khác về tội *"Chế tạo trái phép vũ khí quân dụng"* và *"Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng"*.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2025/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Tiến D, sinh ngày 13/02/1988 tại tỉnh Bắc Giang; nơi thường trú và nơi ở: thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn C, xã K, tỉnh Bắc Ninh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; số CCCD: 024088016569, cấp ngày 01/9/2021; con ông Nguyễn Tiến S và bà Đinh Thị B; vợ là Nguyễn Thị H, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2015 và nhỏ nhất sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 20/9/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh G; có mặt.

2. A V (tên gọi khác: A L), sinh ngày 25/3/1994 tại tỉnh Kon Tum; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: thôn K, xã X, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (nay là thôn K, xã X, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Giẻ-Triêng; giới tính: nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; số

CCCD: 062094004696, cấp ngày 27/12/2021; con ông A C và bà Y M; vợ là Y S1, có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 01/8/2025 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh G; có mặt.

3. Lê Hữu N, sinh ngày 20/10/1988 tại tỉnh Phú Yên; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn C, xã H, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp trước khi khởi tố: Cán bộ - Phó Chủ tịch Hội nông dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; số CCCD: 054088005081, cấp ngày 27/01/2022; con ông Lê Văn H1 và bà Lê Thị H2; vợ là Nguyễn Thị Cẩm X, có 02 con, sinh năm 2020 và năm 2022; tiền án, tiền sự: không; là Đảng viên. Ngày 15/4/2025 bị Ủy ban kiểm tra huyện T, tỉnh Phú Yên ra quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng.

Nhân thân: ngày 29/5/2024, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh G đã có công văn kèm hồ sơ, tài liệu gửi đến Phòng quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an tỉnh G xử lý vi phạm hành chính về hành vi "*Vi phạm quy định về quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, pháo và đồ chơi nguy hiểm bị cấm*". Ngày 28/8/2024 UBND tỉnh G đã ra quyết định số 374/QSS-XPHC đối với bị cáo với mức phạt 15.000.000 đồng, bị cáo đã nộp.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 31/7/2025 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh G; có mặt.

4. Lê Đức T1, sinh ngày 20/4/1998 tại tỉnh Gia Lai; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: thôn E, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là thôn E, xã G, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; số CCCD: 064098012838, cấp ngày 06/7/2021; con ông Lê Hồng T2 và bà Cù Thị Diễm T3; vợ là Đỗ Lê Thảo T4, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; có mặt.

5. Rơ Châm P (tên gọi khác: Ama B1), sinh ngày 01/01/1969 tại tỉnh Gia Lai; nơi thường trú và nơi ở hiện nay: làng B, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là làng B, xã I, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: không; dân tộc: Jrai; giới tính: nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; số CCCD: 064069005397, cấp ngày 09/8/2021; con ông Rơ Châm G và bà Rơ Châm M1 (đều đã chết); vợ là Puih B2, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 01/8/2025 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh G; có mặt.

6. Lê Đình P1, sinh ngày 20/6/1970 tại tỉnh Quảng Bình; nơi thường trú và nơi ở: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn T, xã N, tỉnh Quảng

Tri); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; số CCCD: 044070002027, cấp ngày 24/6/2021; con ông Lê Đình T5 và bà Phạm Thị L1 (đều đã chết); vợ là Tạ Thị L2; tiền án: không.

Tiền sự: ngày 28/7/2023, bị Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính 1.250.000 đồng về hành vi "*Đánh bạc trái phép*" (đã thi hành xong).

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 08/7/2025 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh G; có mặt.

- ***Người bào chữa cho bị cáo*** Lê Đức T1: bà Hứa Thị Trung N1 và bà Hoàng Thị Như N2, Luật sư thuộc Văn phòng L6, Đoàn luật sư tỉnh G.

Địa chỉ: A L, tổ F, phường D, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Rơ Châm P*:*

+ Ông Nguyễn Hữu H3, Luật sư Công ty L7 - Chi nhánh P2, Đoàn luật sư thành phố Đ.

Địa chỉ: A P, phường P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

+ Bà Nguyễn Hoàng Kim L3, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G; có mặt.

Ngoài ra còn có các bị cáo khác và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 10 năm 2022, Trần Quốc K vào kênh Y thấy tài khoản "Quan Vũ CZ" của Nguyễn Văn V1 quảng cáo bán súng có gắn số điện thoại nên K đã liên lạc và mua của V1 01 khẩu súng và 16 viên đạn với số tiền là 13.000.000 đồng. Vào ngày 27 và 28 tháng 3 năm 2023, K cùng với Nguyễn L4 và Nguyễn Thành D1 lấy súng đi săn, đến ngày 29/3/2023 Công an thành phố P khám xét và thu giữ khẩu súng này.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh được hành vi phạm tội của các bị cáo trong đường dây chế tạo, tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng do Đỗ Ngọc H4, Nguyễn Trung B3 cầm đầu. Với mục đích tư lợi nên vào khoảng tháng 10 năm 2021, Nguyễn Trung B3 và Vũ Văn H5 đã thống nhất đặt các xưởng cơ khí trên địa bàn thành phố Hà Nội chế tạo linh kiện súng hơi bắn đạn chì để bán. Nguyễn Văn T6 (là em vợ của B3) và Nguyễn Văn V1 (là anh em họ của T6) cũng mua linh kiện súng hơi bắn đạn chì của B3 và H5 về bán.

Đến khoảng 6 năm 2022, do thấy ít người mua súng hơi nên B3 và H5 chuyển qua bán súng, linh kiện của súng bắn đạn thể thao, trong đó B3 đặt chế tạo, đặt mua các linh kiện của súng có tên CZ, còn H5 đặt chế tạo, đặt mua các linh kiện của súng có tên C1 từ nhiều người khác nhau về bán kiếm lời nên T6 và

V1 cũng chuyển sang mua súng và linh kiện súng CZ của B3 về bán, đồng thời làm cộng tác viên bán súng, linh kiện súng C1 cho H5.

Trong số những người mua súng và linh kiện của H5 và B3 có Nguyễn Văn T6 (là em vợ của B3), Nguyễn Văn V1 (là anh em họ của T6), Nguyễn Thị Kim O. Sau khi mua súng và linh kiện súng của H5 và B3 thì T6, V1 và O bán lại cho những người khác có nhu cầu để kiếm lời, cụ thể:

- Hành vi của bị cáo Nguyễn Tiến D***:*** vào khoảng tháng 9 năm 2019, Nguyễn Trung B3 bán cho D 01 máy chế tạo nòng súng với giá 35.000.000 đồng và được B3 hướng dẫn cách sử dụng. Ngoài ra, từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 8 năm 2022, B3 bán cho D 03 máy chế tạo đạn chì với giá 114.500.000 đồng. Sau khi mua máy chế tạo nòng súng của B3, D thường đặt mua phôi nòng súng ở Trung Quốc với giá từ 180.000đ – 200.000đ/phôi.

Từ khoảng cuối năm 2022 đến tháng 6 năm 2023, D đặt mua phôi nòng súng của người tên K1 (không rõ thông tin, địa chỉ, quen biết qua nhóm F), trung bình mỗi lần đặt mua từ 200 đến 1.000 phôi, với giá 110.000đ/phôi loại 10 inch, 180.000đ/phôi loại 14 inch, 220.000đ/phôi loại 20 inch, tất cả đều được K1 gửi hàng thông qua xe khách.

Từ khoảng giữa năm 2021 đến khoảng giữa năm 2022, D nhiều lần bán cho B3 nòng súng của loại súng hơi bắn đạn chì (bằng kim loại, phi 1,6 cm, lỗ rỗng 5,5 mm, dài 14 inch và 20 inch), tổng cộng khoảng 100 nòng với giá 350.000đ/cái, tổng số tiền khoảng 35.000.000đ, hàng được D gửi qua xe khách và được B3 thanh toán chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng A số 2507205402405 của D.

Từ khoảng tháng 9/2022 đến tháng 6/2023, D chế tạo bán cho bị Nguyễn Trung B3, Nguyễn Văn T6 300 nòng súng bắn đạn thể thao (gồm 02 loại 14 inch và 20 inch) với giá 500.000đ/cái. Những lần bán nòng súng cho B3, T6 thì D đều gửi hàng qua xe khách từ huyện L, tỉnh Bắc Giang đến huyện T, thành phố Hà Nội để T6 nhận hàng; sau đó B3, T6 thanh toán chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng A số 2507205402405 của D với tổng số tiền là 151.300.000đ, D thu lợi khoảng 55.000.000đồng.

Quá trình trao đổi, mua bán nòng súng bắn đạn thể thao nêu trên (qua điện thoại và messenger Facebook), ban đầu B3 chỉ cho D biết là đặt mua nòng súng giúp cho em vợ là T6 để bán nhưng không nói rõ T6 đang bán súng hay linh kiện của loại súng gì, D chỉ thi công làm nòng súng theo tỷ lệ, kích thước do B3 yêu cầu. Tuy nhiên, đến khoảng giữa tháng 6 năm 2023, B3 cho D biết B3 đang bán súng, linh kiện của loại súng CZ bắn đạn thể thao, có kênh Youtube để quảng cáo bán súng, linh kiện súng CZ và quay video hình ảnh của bộ Q súng CZ, khẩu súng CZ quy băng có báng súng hình chữ A gửi cho D xem, D thấy nòng của khẩu súng CZ trong ảnh chính là nòng súng mà D bán cho B3, T6 trước đó nên D biết việc B3, T6 đặt mua nòng súng thể thao của D là để lắp vào bộ quy của súng CZ cùng với các linh kiện khác để bán nguyên khẩu súng hoặc linh kiện của súng CZ. Đến đầu tháng 8/2023, B3 tiếp tục gửi cho D xem hình ảnh khẩu súng CZ quy băng có báng súng hình lưỡi cuốc và cho biết đây là lô hàng mẫu súng CZ

quy băng mới của B3, quá trình D bán nòng súng nếu có khách hàng hỏi mua súng thì giới thiệu cho B3, tuy nhiên D chưa giới thiệu khách nào cho B3 để đặt mua súng.

Khoảng cuối tháng 9/2023, khi biết Nguyễn Trung B3 và Nguyễn Văn T6 bị bắt, Dương tháo rời từng bộ phận của máy chế tạo nòng súng mua của B3 vứt ở khu đất trống sau nhà, D chỉ giữ lại bộ nguồn của máy. Đối với 03 máy chế tạo đạn chì, D tháo rời từng bộ phận và gửi cùng bộ nguồn máy chế tạo nòng súng ở nhà Đinh Văn N3 (anh họ của D) nhưng không nói cho N3 biết là máy chế tạo đạn chì.

Hiện, Cơ quan An ninh điều tra đã thu giữ 01 bộ nguồn của máy chế tạo nòng súng và 03 máy làm đạn chì của D.

- Hành vi của bị cáo Lê Đức T1: do muốn có khẩu súng để đi săn vịt trời nên T1 lên Youtube tìm kiếm thấy có video của Nguyễn Văn T6 giới thiệu bán loại súng CZ quy băng kèm theo số điện thoại nên đã liên lạc đặt mua 01 khẩu súng CZ quy băng với giá 10.000.000đ/khẩu; T1 cung cấp thông tin nhận hàng là *"Duy, số điện thoại 0928972030, địa chỉ:* thôn E, xã G, TP ., tỉnh Gia Lai*"*. T1 chuyển cho T6 500.000 đồng tiền đặt cọc.

Ngày 07/7/2023, 13/7/2023 và 14/7/2023, T1 nhận được 03 đơn hàng và thanh toán 9.500.000 đồng cho dịch vụ giao hàng Best E.

Sau khi nhận đủ các linh kiện T1 lắp ráp thành một khẩu súng CZ quy băng hoàn chỉnh nhưng do thiếu ống ngắm nên T1 tiếp tục liên lạc với T6 đặt mua thêm 01 ống ngắm của súng CZ với giá 1.800.000 đồng.

Đến khoảng cuối tháng 7/2023, T1 lấy khẩu súng sử dụng bắn hết 05 viên đạn và bị rơi mất băng đạn. Đến ngày 27/10/2023, khi làm việc T1 đã giao nộp khẩu súng này cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh G.

Tại Kết luận giám định số: 954/KL-KTHS ngày 06/11/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh G, kết luận: Khẩu súng ghi thu của Lê Đức T1, gửi giám định là súng tự chế, có khả năng phá hủy kết cấu vật chất tương tự như súng trường. Hiện tại súng sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng.

- Hành vi của bị cáo Rơ Châm P***:*** do muốn có súng để đi săn nên vào khoảng giữa tháng 7 năm 2023, P vào Youtube tìm kiếm thì thấy kênh Youtube của Nguyễn Văn T6 giới thiệu bán linh kiện súng CZ kèm theo số điện thoại nên P liên lạc và đặt mua 01 nòng súng với giá 1.300.000 đồng, 01 ống giảm thanh với giá 600.000 đồng, P cung cấp thông tin nhận hàng là *"Phi, số điện thoại 0976854742, địa chỉ:* làng B, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai*"*.

Ngày 21/7/2023, P nhận được 02 đơn hàng và thanh toán 1.900.000 đồng tiền thu hộ cho nhân viên giao hàng Viettel Post, khi kiểm tra bên trong 02 đơn hàng là 01 ống giảm thanh và 01 nòng súng.

Khoảng giữa tháng 8 năm 2023, P tiếp tục mua của Triệu bộ quy 01 viên với giá 2.800.000 đồng. Ngày 19/8/2023, P nhận được đơn hàng và thanh toán

2.800.000 đồng tiền thu hộ cho nhân viên giao hàng Best E, Phing kiểm tra bên trong là 01 bộ quy 01 viên của súng CZ và 12 viên đạn thể thao.

Khoảng đầu tháng 9/2023, P tiếp tục tìm kiếm trên Youtube mua báng súng và bộ tay cầm, body bệ tay bằng gỗ thì thấy video quảng cáo bán linh kiện súng (không rõ tên kênh Y), P liên lạc với người bán (không rõ lai lịch) đặt mua linh kiện này với giá 1.600.000 đồng, sau đó lắp toàn bộ các linh kiện súng đặt mua nêu trên thành 01 khẩu súng CZ quy 01 viên hoàn chỉnh và bắn thử 02 viên đạn. Sau đó, P cất giấu khẩu súng cùng 10 viên đạn còn lại trong rương sắt ở phòng ngủ nhà P.

Đến ngày 02/11/2023, Cơ quan An ninh điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của Rơ Châm P, thu giữ khẩu súng và 10 viên đạn nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 967/KL-KTHS ngày 13/11/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh G, kết luận: Khẩu súng ghi thu của Rơ Châm P, gửi giám định là súng tự chế, có khả năng phá hủy kết cấu vật chất tương tự như súng trường. Hiện tại súng sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng, 10 viên đạn là đạn thể thao còn sử dụng được.

- Hành vi của bị cáo A V***:*** vào khoảng tháng 12/2022, A V phát hiện Youtube của Nguyễn Văn V1 có bán súng nên đặt mua 01 khẩu súng Chiappa với giá 10.000.000 đồng và 01 hộp đạn thể thao (50 viên đạn) với giá 600.000 đồng, đồng thời A V cung cấp cho V1 thông tin để nhận súng, đạn là *"L (là tên gọi khác của A V), số điện thoại 0978551305, địa chỉ:* thôn K, xã X, Đ, Kon Tum*"*.

Ngày 05/12/2022 và ngày 13/12/2022, A V nhận được 02 đơn hàng và thanh toán 10.600.000 đồng cho nhân viên thu hộ.

Sau khi nhận đầy đủ bộ phận của súng, A V lắp ráp các linh kiện thành khẩu súng hoàn chỉnh rồi cất giấu súng dưới gầm giường trong phòng ngủ. Sau đó, A V tiếp tục liên hệ với Nguyễn Văn V1 đặt mua 01 ống ngắm với giá 1.800.000 đồng rồi lắp vào khẩu súng.

Từ tháng 12/2022 đến tháng 02/2023, A V mang khẩu súng lên khu rừng tại xã X, huyện Đ bắn thử súng và săn thú rừng hết 15 viên đạn. Do đường đạn bị lệch bắn không chính xác nên A V liên lạc và được V1 gửi đổi lại bộ Q, sau đó, A V tiếp tục mang khẩu súng, đạn lên khu rừng thuộc xã X, huyện Đ bắn thử súng và săn thú rừng hết 12 viên đạn.

Ngày 06/12/2023, khi tiến hành làm việc với Cơ quan An ninh điều tra A V đã giao nộp khẩu súng và 23 viên đạn.

Tại Kết luận giám định số 1089/KL-KTHS ngày 18/12/2023 của Phòng K2 - Công an tỉnh G, kết luận:

+ 01 vật hình khẩu súng gửi giám định là súng tự chế, bắn đạn cỡ 5,6mm, có khả năng phá hủy kết cấu vật chất tương tự như súng trường. Hiện tại khẩu súng ghi trên sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng.

+ 23 viên đạn gửi giám định là đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm. Hiện tại các viên đạn còn sử dụng bắn được bằng các khẩu súng ghi trên và thuộc vũ khí thể thao.

- Hành vi của bị cáo Lê Hữu N***:*** khoảng giữa năm 2019, Lê Hữu N lên Youtube thấy bán súng hơi nên đặt mua 01 khẩu súng và 01 hộp đạn chì với giá 4.100.000 đồng, N cung cấp thông tin nhận hàng là *"Nghĩa, số điện thoại 0935456256, địa chỉ* thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên*"*. Sau khi nhận đầy đủ các linh kiện súng hơi, N lắp ráp thành 01 khẩu súng hoàn chỉnh và đi săn tại khu vực sông B, xã H, T, Phú Yên.

Đến giữa tháng 9 năm 2022, N tiếp tục tìm trên Youtube mua súng thì thấy số điện thoại của Nguyễn Văn T6 nên đặt mua 01 khẩu súng Chiappa với giá 9.000.000 đồng kèm 25 viên đạn thể thao.

Ngày 25/9/2022 và ngày 28/9/2022, N nhận 02 đơn hàng và thanh toán 9.000.000 đồng cho nhân viên thu hộ, sau khi nhận đầy đủ các linh kiện của súng, N lắp ráp lại thành 01 khẩu súng Chiappa hoàn chỉnh và bắn hết 05 viên đạn.

Đến tháng 11 năm 2023, N mang 02 khẩu súng cùng đạn gửi tại nhà Lê Hùng L5 (sinh ngày 19/8/1972, trú tại thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên).

Đến ngày 22/12/2023, Lê Hữu N đã giao nộp cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh P 01 khẩu súng Chiappa, 20 viên đạn thể thao; 01 khẩu súng hơi, 281 viên đạn chì.

Tại Kết luận giám định số 282/KL-KTHS ngày 14/3/2024 của Phòng K2 - Công an tỉnh G, kết luận: Khẩu súng CHIPPA thu giữ của Lê Hữu Nghĩa là súng có khả năng phá hủy kết cấu vật chất tương tự súng trường, thuộc vũ khí quân dụng và còn sử dụng được; 20 viên đạn thuộc vũ khí thể thao. Đối với 01 khẩu súng màu đen, dài 1,06m và 281 viên đạn thu giữ là súng hơi tự chế, đạn chì; súng đạn còn sử dụng được và thuộc súng săn.

- Hành vi của bị cáo Lê Đình P1***:*** vào giữa tháng 10 năm 2023, Lê Đình P1 tìm kiếm trên Youtube thì thấy video giới thiệu bán loại súng CZ quy băng bắn đạn thể thao (không rõ tên kênh Y) kèm theo số điện thoại của Nguyễn Thị Kim O nên P1 hỏi mua 01 khẩu súng CZ quy băng với giá 12.000.000 đồng, P1 cung cấp thông tin để nhận hàng cho O là *"số điện thoại: 0918846829, địa chỉ:* thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình*"*.

Vào các ngày 20, 21, 28/10/2023 và 07/11/2023, P1 04 lần nhận hàng từ nhân viên giao hàng J&T Express và thanh toán 12.000.000 đồng. Sau khi nhận đầy đủ các linh kiện của 01 khẩu súng CZ quy băng, P1 tự lắp ráp các bộ phận, linh kiện súng thành 01 khẩu súng CZ quy băng hoàn chỉnh (còn thiếu băng đạn). Tuy nhiên do không có đạn và bản thân bị cụt một tay, một chân nên P1 không sử dụng khẩu súng vào việc gì và cất giấu khẩu súng trong tủ quần áo ở phòng ngủ nhà P1 tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Đến ngày 07/3/2024, sau khi làm việc với Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Q, P1 đã giao nộp khẩu súng trên.

Tại Kết luận giám định số 409/KL-KTHS ngày 16/4/2024 của Phòng K2 - Công an tỉnh G, kết luận: Vật hình khẩu súng gửi giám định là súng tự chế, bắn đạn cỡ 5,6mm, có khả năng phá hủy kết cấu vật chất tương tự như súng trường. Hiện tại khẩu súng ghi trên sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2025/HSST ngày 09/9/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định: tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến D phạm tội "*Chế tạo trái phép vũ khí quân dụng*"; các bị cáo Lê Đức T1, A V, Lê Hữu N và Lê Đình P1 phạm tội *"Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng"*; bị cáo Rơ Châm P phạm tội *"Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"*.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D **08** (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo A V **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Rơ Châm P **20** (hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Hữu N **16** (mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/7/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Đức T1 **15** (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Đình P1 **12** (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án; quyết định về phần biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2025, bị cáo Lê Đình P1 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 15/9/2025, các bị cáo Lê Đức T1, Lê Hữu N kháng cáo bản án sơ thẩm với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

Ngày 18/9/2025, bị cáo Rơ Châm P kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 19/9/2025, bị cáo A V kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 24/9/2025, bị cáo Nguyễn Tiến D kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt;

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Tiến D, Lê Đức T1, Lê Hữu N, Lê Đình P1, Rơ Châm P, A V đều giữ nguyên nội dung kháng cáo;

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến D, A V, Rơ Châm P; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đình P1; sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo P1 một phần hình phạt. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đức T1, Lê Hữu N; sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo T1, N hưởng án treo.

- Những người bào chữa cho bị cáo Rơ Châm P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất vụ án, hoàn cảnh gia đình khó khăn của bị cáo để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, giảm cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất nhằm tạo cơ hội cho bị cáo được cải tạo tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Tiến D, Lê Đức T1, Lê Hữu N, Lê Đình P1, Rơ Châm P, A V kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Về tội danh và hình phạt:

[2.1]. Về tội danh:

Từ việc phát hiện hành vi Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng của bị cáo Trần Quốc K, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh G đã phát hiện ra một nhóm các bị cáo và các xưởng cơ khí tại địa bàn thành phố Hà Nội đã chế tạo ra các bộ quy súng, các linh kiện súng và lắp ráp hoàn chỉnh thành các loại súng CZ, C1 để bán cho các đối tượng khác trên khắp cả nước. Trong đó, Nguyễn Tiến D mua của Nguyễn Trung B3 01 máy chế tạo nòng súng và 03 máy chế tạo đạn chì,

sau khi được B3 hướng dẫn cách sử dụng, D đặt mua phôi nòng súng từ Trung Quốc và của đối tượng tên K1 (không rõ lai lịch) rồi về chế tạo nòng súng hơi bắn đạn chì và nòng súng bắn đạn thể thao, sau đó bán lại cho B3, T6. Từ giữa năm 2021 đến giữa năm 2022, D nhiều lần bán cho B3 100 nòng súng loại súng hơi bắn đạn chì với tổng số tiền 35.000.000đ; từ khoảng tháng 9/2022 đến tháng 6/2023, D nhiều lần bán cho B3, T6 300 nòng súng bắn đạn thể thao với tổng số tiền 151.300.000đ, D thu lợi 55.000.000đ. Trong số nòng súng mua của D, Nguyễn Trung B3 lắp ráp thành 05 khẩu súng CZ hoàn chỉnh để bán cho người khác.

Đối với các bị cáo Lê Đức T1, A V, Lê Hữu N và Lê Đình P1: vì muốn có súng để đi săn nên các bị cáo đã đặt mua trên mạng xã hội và mua của Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Thị Kim O khẩu súng hoàn chỉnh, đạn rồi tàng trữ súng, đạn để sử dụng. Trong đó, Lê Đức T1 mua 01 khẩu súng loại CZ của Nguyễn Văn T6; A V mua 01 khẩu súng loại Chiappa của Nguyễn Văn V1; Lê Hữu N mua 01 khẩu súng loại Chiappa và 01 khẩu súng hơi của Nguyễn Văn T6; Lê Đình P1 mua 01 khẩu súng loại CZ của Nguyễn Thị Kim O.

Bị cáo Rơ Châm P vì muốn có súng để đi săn nên đã đặt mua của Nguyễn Văn T6 các linh kiện súng loại CZ, trong đó P mua của T6 01 nòng súng, 01 ống giảm thanh và 01 bộ quy súng; mua trên mạng Youtube báng súng, bộ tay cầm và body bệ tay bằng gỗ. Sau đó P lắp ráp thành 01 khẩu súng CZ hoàn chỉnh rồi cất giấu trong nhà.

Với các hành vi như trên, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai kết tội Nguyễn Tiến D "*Chế tạo trái phép vũ khí quân dụng*" theo điểm g khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Đức T1, A V, Lê Hữu N và Lê Đình P1 *"Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng"*, Rơ Châm P *"Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"* theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt, xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm các quy định độc quyền của Nhà nước về vũ khí quân dụng nên cần phải áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dụng riêng cũng như đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này, Nguyễn Tiến D không chỉ giúp sức cho Nguyễn Trung B3 và Nguyễn Văn T6 mà còn là người trực tiếp chế tạo linh kiện nòng súng, là bộ phận quan trọng quyết định đến tính năng, tác dụng của súng; bị cáo nhận thức được việc chế tạo linh kiện súng trái phép là vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc tàng trữ, mua bán vũ khí của các bị cáo khác trong vụ án nhưng vì động cơ vụ lợi, bị cáo vẫn bất chấp thực hiện; bị cáo nhiều lần chế tạo nòng súng để bán cho người khác nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Lê Đức T1, Rơ Châm P, A V, Lê Hữu N và Lê Đình P1, chỉ vì sở thích cá nhân săn bắn chim, thú, các bị cáo đã công khai mua súng hoàn chỉnh, đạn hoặc các chi tiết, bộ phận

của súng rồi sau đó về lắp ráp thành súng hoàn chỉnh để nhằm mục đích sử dụng, cất giấu trong nhà.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện tính chất, mức độ, vai trò thực hiện hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo, áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt Nguyễn Tiến D 08 năm tù, A V 24 tháng tù, Rơ Châm P 20 tháng tù, Lê Hữu N 16 tháng tù, Lê Đức T1 15 tháng tù, Lê Đình P1 12 tháng tù là phù hợp, thể hiện sự phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án, đảm bảo công tác giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Nguyễn Tiến D, Lê Đức T1, Rơ Châm P, A V, Lê Hữu N và Lê Đình P1 đều tỏ rõ thái độ thành khẩn, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, tha thiết xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Bản thân các bị cáo A V, Lê Hữu N, Lê Đình P1 và Lê Đức T1 thực hiện hành vi mua bán vũ khí quân dụng không xuất phát từ mục đích vụ lợi mà chỉ để thỏa mãn sở thích săn bắn chim, thú - đây cũng là mục đích khiến bị cáo Rơ Châm P thực hiện hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo Nguyễn Tiến D, Lê Hữu N, A V đều có con nhỏ đang trong độ tuổi mầm non, tiểu học; vợ bị cáo N thường xuyên ốm đau bệnh tật. Bị cáo Rơ Châm P có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Bị cáo Lê Đình P1 cung cấp tài liệu thể hiện vợ của bị cáo đã chết, hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận; mẹ của bị cáo là bà Phạm Thị L1 vừa là người có công với cách mạng, vừa được khen tặng nhiều danh hiệu danh giá trong quá trình sinh sống, công tác; gia đình bị cáo được công nhận là gia đình an toàn về an ninh trật tự. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nêu trên cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo P1, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Tiến D, Rơ Châm P, A V, Lê Hữu N và Lê Đình P1 nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người biết nhận ra sai lầm và quyết tâm sửa chữa.

Đối với bị cáo Lê Đức T1, bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện: bản thân bị cáo được Chủ tịch UBND xã Gào tặng Giấy khen do có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và có nhiều đóng góp tích cực trong việc ủng hộ người dân vùng ảnh hưởng mưa lũ; cha của bị cáo được truy tặng nhiều danh hiệu cao quý vì có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác như: Bộ C2 tặng Kỉ niệm chương trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc, Giám đốc công an tỉnh G khen tặng vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự cơ sở, được Chủ tịch UBND thành phố P tặng Giấy khen trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015 – 2020, tặng danh hiệu chiến sĩ tiên tiến trong công tác thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 2020, được Chủ tịch UBND xã Gào tặng Giấy khen trong công tác phòng chống, trấn áp tội phạm trên địa bàn xã. Hội đồng xét xử thấy, như đã nhận định ở trên, bản thân bị cáo không có động cơ vụ lợi; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian ngắn và đơn thuần hơn so với các bị cáo khác; bị cáo bị

tai nạn giao thông, ảnh hưởng trực tiếp đến xương cột sống dẫn đến khả năng vận động, đi lại có phần bị hạn chế. Đồng thời, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội, bị cáo là công dân chấp hành tốt pháp luật tại địa phương, chưa từng bị khiển trách hay xử phạt nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Lê Đức T1 đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng như các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T1, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Tiến D, Lê Đức T1, Rơ Châm P, A V, Lê Hữu N và Lê Đình P1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến D, Lê Hữu N, Rơ Châm P, A V, Lê Đình P1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2025/HSST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với các bị cáo.

1.1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Chế tạo trái phép vũ khí quân dụng*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2024.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo A V 18 (mười tám) tháng tù về tội "*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2025.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Rơ Châm P 14 (mười bốn) tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2025.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lê Hữu N 12 (mười hai) tháng tù về tội "*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/7/2025.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Đình P1 09 (chín) tháng tù về tội "*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2025.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đức T1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2025/HSST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo.

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Đức T1 15 (mười lăm) tháng tù về tội "*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Đức T1 cho Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh Gia Lai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh Gia Lai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của . Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Tiến D, Lê Hữu N, Lê Đình P1, Rơ Châm P, A V, Lê Đức T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam, theo địa chỉ);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên